TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 07 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Ông Nguyễn Hữu Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. TVT (tức TR), sinh ngày 11 tháng 7 năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 294 gác 2 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 2 Lô 75 D (Khu tái định cư), phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con F (đã chết) và bà G; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/9/2020, tạm giam từ ngày 10/9/2020; có mặt.

2. DDK, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Tổ 24 Khu 2, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 406 Lô B Khu 7 tầng, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông J và bà K; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 18/11/2019 Tòa án nhân dân quận Lê Chân ra Quyết định xử phạt hành chính áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị tạm giữ từ ngày 01/9/2020, tạm giam từ ngày 10/9/2020; có mặt.

- *Bị hại:* Anh BH; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh NLQ; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh NLC, anh NLC2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 20/8/2020, TVT đến nhà anh BH lấy trộm 01 chìa khóa xe mô tô BKS 36K5-175.13. Sau khi lấy được chìa khóa, TVT rủ DDK cùng thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên bán lấy tiền ăn tiêu, DDK đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/8/2020, tại nhà TVT, TVT đưa chìa khóa và chỉ xe mô tô BKS 36K5-175.13 đang dựng tại trước cửa Ki ốt số 02 ở Chợ L cho DDK. DDK đi bộ đến chỗ để xe, dùng chìa khóa TVT đưa mở khóa điện và điều khiển xe môtô đến hiệu cầm đồ của NLC2 cầm được 1.900.000 đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, DDK đến nhà TVT nhờ M là em trai TVT chuyển lại cho TVT 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, TVT bảo DDK bán xe. DDK nhờ NLC tìm người mua xe, NLC giới thiệu và cho DDK số điện thoại tự liên lạc với NLQ, cả 2 thống nhất mua bán xe giá 3.000.000 đồng và giao tiền lấy xe tại của hàng của NLC2. Khoảng 14 giờ ngày 23/8/2020, NLQ đến số 582 đường N lấy xe và đưa cho NLC2 3.000.000 đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, DDK gặp NLC2 nhận số tiền 1.050.000 đồng, sau đó đưa tiếp cho TVT 800.000 đồng. Số tiền bán tài sản do chiếm đoạt được, TVT và DDK đã ăn tiêu hết. Ngày 01/9/2020, DDK đến Cơ quan Công an đầu thú, cùng ngày TVT bị bắt theo Lệnh bắt của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng.

Quá trình điều tra, NLQ, NLC, NLC2 khai nhận: Khi được DDK đưa tiền và nhận mua bán xe mô tô, các đối tượng không biết đó là tiền và tài sản do trộm cắp được mà có. Sau đó, NLQ đã bán cho O (hiện không xác định được lai lịch) 3.300.000 đồng. Hiện NLQ đã nộp lại số tiền 300.000 đồng, NLC2 đã nộp lại 50.000 đồng cho Công an quận Hồng Bàng.

Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 05/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hồng Bàng kết luận: 01 xe mô tô BKS 36K5-175.13 đã qua sử dụng có giá trị 7.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 350.000 đồng của NLQ và NLC2 giao nộp, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo TVT và DDK đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho anh BH, anh BH không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 26/11/2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo TVT, DDK đều về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo TVT, DDK khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Bị hại BH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt TVT từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt DDK từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù đều về tội "Trộm cắp tài sản"; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 350.000 đồng; các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa khẳng định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/8/2020, tại Ki ốt số 02 Chợ L, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng, TVT và DDK đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô Honda Wave màu xanh, BKS 36K5-175.13 của anh BH với trị giá tài sản theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là 7.000.000 đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của TVT và DDK đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm TR, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng một mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và lượng hình đối với các bị cáo:

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thống nhất việc đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu, cùng bàn bạc và cùng phân công nhau trong quá trình thực hiện. TVT là người chủ động lấy chìa khóa xe mô tô của bị hại và đề xuất việc trộm cắp. DDK trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản sau khi chiếm đoạt được.

[6] Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhân thân TVT có một tiền án đã được xóa án tích, DDK có 01 tiền sự chưa được xóa; nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, nên cần phải đánh giá các bị cáo có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém.

[7] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và bị hại BH có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. DDK có bố đẻ là người có công với cách mạng; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú; nên DDK được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét vai trò, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của TVT và DDK là ngang nhau, nên TVT và DDK phải chịu mức hình phạt ngang bằng nhau. Bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo cách ly xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét, các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Bị hại BH đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì đối với các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

[11] Số tiền 350.000 đồng do NLQ và NLC2 giao nộp là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[12] NLQ, NLC, NLC2, quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định đồng phạm với TVT và DDK về hành vi trộm cắp tài sản hoặc có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Cơ quan Công an không xử lý. Đối tượng O hiện chưa xác định căn cước, nên Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra, xử lý sau là có căn cứ.

- Về án phí:

[13] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo TVT, DDK mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: TVT (tức TR) 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: DDK 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng theo Quyết định chuyển vật chứng số 77/QĐ-VKSHB ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và Biên lai thu tiền số AA/2010/7695 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo TVT và DDK mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Hồng Bàng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến